

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-PT

Ngày 15/4/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và chia tài sản sau ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Bà Phạm Thị Hồng Hà

-Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLPT- DS, ngày 17 tháng 02 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và chia tài sản sau ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST, ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71 /2022/QĐ -PT, ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Tấn D, sinh năm 1964. Địa chỉ: khu phố Th Nh M, phường D A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nơi ở hiện nay: ấp Th H, xã Th Tr, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Anh Phan Tấn Th, sinh năm 1985. Địa chỉ: tổ B, ấp Th L, xã Th Tr, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2.2. Chị Trịnh Thị K L, sinh năm 1992. HKTT: tổ B, ấp Th L, xã Th Tr, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ tạm trú: khu vực Y H, phường Th Th, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị Trịnh Thị K L là anh Phan Tấn Th, sinh năm 1985; Địa chỉ: tổ B, ấp Th L, xã Th Tr, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 12/01/2022) (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ B, ấp Th L, xã Th Tr, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.2. Bà Lê Thị Ánh Ng, sinh năm 1968. Địa chỉ: tổ MC, khóm Th Qu, thị trấn T Qu, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Phan Tấn D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 26/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Tấn D trình bày:

Vào khoảng tháng 3/2020, ông có cho anh Phan Tấn Th (con ruột của ông) mượn số tiền 88.220.000đ để xây nhà, vì sợ tiền mất giá nên ông quy ra tương đương 22 chỉ vàng 24K để anh Th trả vàng, vì cha con ruột nên không có làm biên nhận, không thỏa thuận thời gian trả, ông đã giao đủ tiền cho anh Th. Nguồn tiền ông có để cho anh Th mượn là do ông mượn của bà Lê Thị Ánh Ng vào ngày 15/01/2020 với số tiền 100.000.000 đồng, ông mượn của bà Ng để làm vốn mua bán khoai lang, nhưng sau đó không mua bán, tiền nhàn rỗi, đến tháng 3/2020 vợ chồng anh Th, chị L xây nhà hỏi mượn tiền nên ông cho mượn và lúc này ông đã ly hôn bà T.

Sau thời gian khá lâu không nghe anh Th nhắc đến việc trả nợ, tháng 11/2020 ông đòi anh Th trả 22 chỉ vàng 24K và có điện thoại cho chị Trịnh Thị K L là vợ anh Th để trao đổi về việc mượn tiền của ông nhưng quy ra 22 chỉ vàng 24K thì chị L thừa nhận có mượn của ông 22 chỉ vàng 24K.

Từ tháng 12/2020 đến nay anh Th chuyển khoản và gửi trả cho ông nhiều lần số tiền 56.000.000 đồng tương đương 11 chỉ vàng 24K, còn lại 11 chỉ vàng 24K anh Th, chị Liên không trả nên ông khởi kiện.

- Bị đơn anh Phan Tấn Th trình bày:

Anh xác định vợ chồng anh có mượn của ông Phan Tấn D là cha ruột của anh 22 chỉ vàng 24K để mua đất, nhưng anh không nhớ chính xác thời gian mượn. Đây là tài sản chung của cha mẹ anh là ông Phan Tấn D và bà Đỗ Thị T. Hiện nay cha mẹ anh đã ly hôn; anh đồng ý trả ông D 11 chỉ vàng 24K, trả bà T 11 chỉ vàng 24K.

Từ tháng 12/2020 đến nay anh đã chuyển khoản và gửi trả cho ông D tổng cộng số tiền 56.000.000 đồng. Anh đồng ý khấu trừ số tiền 56.000.000 đồng quy thành vàng là 11 chỉ vàng 24K (tính giá vàng ngày 15/12/2021 là 5.100.000

đồng/chỉ vàng 24K) vào số nợ 11 chỉ vàng 24K mà anh nợ ông D. Còn lại 11 chỉ vàng 24K anh đồng ý trả bà Đỗ Thị T, nhưng giữa anh và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày:

Bà xác định số vàng 22 chỉ vàng 24K ông D cho vợ chồng anh Th mượn là tài sản chung của bà và ông D được tạo lập trong thời gian bà và ông D sống chung. Đến tháng 12/2019 bà và ông D ly hôn, nhưng không chia tài sản chung mà tự thỏa thuận với nhau. Nay bà yêu cầu giải quyết số vàng 22 chỉ 24K (ông D cho vợ chồng anh Th mượn) là tài sản chung của bà và ông D. Vợ chồng anh Th có trách nhiệm trả ông D 11 chỉ vàng 24K và trả bà 11 chỉ vàng 24K. Nay bà thống nhất với ý kiến của anh Th, bà và vợ chồng anh Th tự thỏa thuận số vàng 11 chỉ 24K, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ánh Ng trình bày:

Vào ngày 15/01/2020 âm lịch bà có cho ông Phan Tấn D vay số tiền 100.000.000 đồng để mua bán khoai lang, hai bên tự thỏa thuận lãi suất, khi nào ông D có đủ tiền thì trả lại. Khi vay không làm biên nhận, chỉ thỏa thuận miệng vì là chỗ quen biết và trước đây ông D cũng vay tiền bà nhiều lần nhưng không làm biên nhận. Khoảng một tháng sau khi cho ông D vay tiền, bà nghe thông tin ông D sắp vỡ nợ nên đã yêu cầu ông D làm biên nhận để tránh rắc rối về sau. Biên nhận được lập vào khoảng 02/2020 và được ông D ký ngày 15/01/2020 âm lịch. Bà có nhận tiền lãi khoảng 15 tháng, từ 2.000.000 đồng – 3.000.000 đồng/tháng. Khoảng 3 tháng nay ông D không đóng lãi và đến nay chưa trả vốn. Bà và ông D tự thỏa thuận số tiền vay này, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân đã quyết định:

Áp dụng các Điều 213, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tấn D. Anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L có trách nhiệm trả ông Phan Tấn D 11 chỉ vàng 24K. Ghi nhận thỏa thuận giữa ông D và anh Th, anh Th đã trả ông D 56.000.000 đồng tương đương 11 chỉ vàng 24K. Như vậy anh Th chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông D.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị T yêu cầu chia tài sản chung của ông Phan Tấn D và bà Đỗ Thị T là 22 chỉ vàng 24K (số vàng ông D cho anh Th và chị L mượn).

Bà T được hưởng $\frac{1}{2}$ (trong tổng số vàng 22 chỉ vàng 24K) là 11 chỉ vàng 24K hiện anh Th chị L quản lý. Bà T tự thỏa thuận với anh Th và chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th và chị L có trách nhiệm trả số vàng 11 chỉ vàng 24K. Dành cho các đương sự vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Bà Ng không yêu cầu giải quyết đối với số nợ 100.000.000 đồng, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Dành cho các đương sự vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/01/2022 nguyên đơn ông Phan Tấn D kháng cáo yêu cầu buộc anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L trả 11 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo buộc anh Th và chị L trả 11 chỉ vàng 24k.

-Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông D, sửa án sơ thẩm theo hướng buộc chị L và anh Th phải trả cho ông D 11 chỉ vàng 24K. Công nhận 22 chỉ vàng 24K là tài sản riêng của ông D. Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được tính lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: ngày 13/01/2022Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 24/01/2022 ông Phan Tấn D kháng cáo là còn trong thời hạn luật định và nộp tiền

tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo của nguyên đơn được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Về nội dung: anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L thừa nhận có mượn của ông Phan Tấn D số tiền 88.220.000đ tương đương 22 chỉ vàng 24k, đây là tình tiết có thật được các bên thừa nhận, nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông D và anh Th đều thừa nhận anh Th đã gửi trả nhiều lần cho ông D số tiền 56.000.000đ, tương đương 11 chỉ vàng 24K. Còn lại 11 chỉ vàng 24K chưa trả.

Xét thấy: ông Phan Tấn D và bà Đỗ Thị T ly hôn theo quyết định số 193/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Đến tháng 3/2020 anh Th trực tiếp mượn của ông D số tiền 88.200.000đ quy ra 22 chỉ vàng 24K, ông D chứng minh được số tiền ông cho anh Th, chị L mượn là lúc này ông đã ly hôn bà T và nguồn tiền ông có để cho anh Th mượn là do ông vay của bà Lê Thị Ánh Ng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Ng cũng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Mặc dù theo quyết định ly hôn ông D và bà T chưa chia tài sản chung của vợ chồng, nhưng xác định số tiền ông D cho anh Th mượn là tài sản riêng của ông D.

Đối với bà T cho rằng số vàng 22 chỉ 24K mà ông D cho anh Th, chị L mượn là tài sản chung của bà và ông D tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, nhưng khi ly hôn chưa chia. Xét thấy, ông D và anh Th đều thừa nhận là anh Th mượn tiền của ông D và ông D quy thành vàng để anh Th trả, chứ ông D không phải cho anh Th mượn vàng, ông D cũng không thừa nhận bán vàng lấy tiền cho anh Th mượn. Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh 22 chỉ vàng 24K là tài sản chung của bà T và ông D là chưa phù hợp. Bà T có yêu cầu Tòa án xác minh chị Nguyễn Thị M Nh là chủ tiệm vàng Th H. Ngày 01/7/2021 Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai của chị Nguyễn Thị M Nh, sinh năm 1981, cư trú ấp T L, xã T Th, huyện Bình Tân, chị Nh khai như sau: vào năm 2014 bà Đỗ Thị T có đến tiệm vàng Th H do chị làm chủ để đặt làm các nữ trang như sau: 01 nhẫn 04 chỉ vàng 24K, 01 dây chuyền khoen lật 15 chỉ vàng 24K, 01 mặt dây chuyền cầm thạch 01 chỉ vàng 24K, 01 nhẫn chữ phước (chữ tàu) 05 chỉ vàng 24K và khoảng 10 ngày sau bà Tím đến nhận vàng. Sau đó, ông D có đến tiệm vàng của chị để sửa móc khóa sợi dây chuyền mà trước đây bà T đã đặt làm ở tiệm vàng của chị; lúc này chị cũng có thấy ông D đeo 01 nhẫn 04 chỉ vàng 24K và 01 nhẫn chữ phước (chữ Tàu) 05 chỉ vàng 24K. Chị Nh khẳng định số vàng ông D đeo là số vàng mà bà T đã đặt ở tiệm của chị. Lời trình bày của chị Nh là không phù hợp với các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, nên không được chấp nhận. Vì vậy cấp sơ thẩm xác định 22 chỉ vàng 24K là tài sản chung giữa bà T và ông D và chia đôi số vàng này cho ông D, bà T là không có căn cứ nên cần phải sửa án sơ thẩm.

Ông D và anh Th đều xác định anh Th, chị L đã trả ông D 56.000.000đ tương đương 11 chỉ vàng 24K. Còn lại 11 chỉ vàng 24K buộc anh Th và chị L phải cáo nghĩa vụ tiếp tục trả cho ông D.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Tấn D, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 13/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Công nhận số tiền 88.200.000đ (tương đương 22 chỉ vàng 24K) mà ông D cho vợ chồng anh Th mượn là tài sản riêng của ông D. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông D và anh Th về việc anh Th, chị L đã trả cho ông D số tiền 56.000.000đ, tương đương 11 chỉ vàng 24K. Còn lại 11 chỉ vàng 24K buộc anh Th và chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông D.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị Tvề việc chia 11 chỉ vàng 24K là tài sản chung của bà và ông D trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L phải chịu 5% án phí đối với 11 chỉ vàng 24K phải trả cho ông D. Giá vàng 24K (9999) ngày 15/4/2022 là 5.680.000đ/chỉ x 11 chỉ = 62.480.000đ x 5% = 3.124.000đ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

[6] Các Quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phan Tấn D;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Bình Tân.

Căn cứ các Điều 147, Điều 288, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tấn D.

Anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L phải trả ông Phan Tấn D 22 chỉ vàng 24K. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông D và anh Th về việc anh Th và chị L đã trả ông D số tiền 56.000.000đ (tương đương 11 chỉ vàng 24K). Còn lại 11 chỉ

vàng 24K buộc anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Tấn D.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị T yêu cầu chia tài sản chung của ông Phan Tấn D và bà Đỗ Thị T là 22 chỉ vàng 24K (số vàng ông D cho anh Th và chị L mượn), trong đó bà T yêu cầu được chia 11 chỉ V24K.

3. Bà Lê Thị Ánh Ng không yêu cầu giải quyết đối với số tiền ông D nợ 100.000.000 đồng nên xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Phan Tấn Th và chị Trịnh Thị K L có nghĩa vụ liên đới nộp 3.124.000đ (Ba triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị T 1.625.000đ (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011994 ngày 30/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả cho ông Phan Tấn D 3.025.000đ (ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011848 ngày 26/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông Phan Tấn D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013435 ngày 26/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

6. Các Quyết định của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Bình Tân;
- CC THADS huyện Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình

